

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Harmony XB5, Antimicrobial Flush mounted push button head, plastic, black, Ø30, spring return, marked DOWN, dark grey bezel

ZB5FA344

## Main

|                               |                                      |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| Range Of Product              | Harmony XB5                          |
| Product Or Component Type     | Head for non-illuminated push-button |
| Device Short Name             | ZB5F                                 |
| Product Compatibility         | ZBYF...<br>ZBZF32<br>ZBZF33<br>ZB5AZ |
| Bezel Material                | Dark grey plastic                    |
| Mounting Diameter             | 30.5 mm                              |
| Head Type                     | Built-in-flush                       |
| Sale Per Indivisible Quantity | 1                                    |
| Shape Of Signaling Unit Head  | Round                                |
| Type Of Operator              | spring return                        |
| Operator Profile              | Black flush, down (white)            |

## Complementary

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cad Overall Width           | 37 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Cad Overall Height          | 37 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Cad Overall Depth           | 30 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Net Weight                  | 0.03 kg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Mechanical Durability       | 10000000 cycles                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Electrical Composition Code | C1 for <9 contacts using single blocks in front mounting<br>C2 for <9 contacts using single and double blocks in front mounting<br>C11 for <3 contacts using single blocks in front mounting<br>C15 for <1 contacts using single blocks in front mounting<br>SF1 for <3 contacts using single blocks in front mounting |

## Environment

|                                       |                                  |
|---------------------------------------|----------------------------------|
| Protective Treatment                  | TH                               |
| Ambient Air Temperature For Storage   | -40...70 °C                      |
| Ambient Air Temperature For Operation | -40...70 °C                      |
| Overvoltage Category                  | Class II conforming to IEC 60536 |

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

|                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ip Degree Of Protection            | IP66 conforming to IEC 60529<br>IP67 conforming to IEC 60529<br>IP69 conforming to IEC 60529<br>IP69K conforming to ISO 20653<br>Type 13 conforming to UL 50 E<br>Type 12 conforming to UL 50 E<br>Type 4 conforming to UL 50 E<br>Type 4X conforming to UL 50 E    |
| Resistance To High Pressure Washer | 7000000 Pa at 55 °C, distance : 0.1 m                                                                                                                                                                                                                               |
| Ik Degree Of Protection            | IK03 conforming to IEC 50102                                                                                                                                                                                                                                        |
| Standards                          | CSA C22.2 No 14<br>EN/IEC 60947-5-1<br>EN/IEC 60947-5-4<br>UL 508<br>EN/IEC 60947-1<br>JIS C8201-5-1<br>CE<br>JIS C8201-1                                                                                                                                           |
| Product Certifications             | UL listed<br>CSA<br>CCC<br>EAC                                                                                                                                                                                                                                      |
| Shock Resistance                   | 30 gn (duration = 18 ms) for half sine wave acceleration conforming to IEC 60068-2-27<br>50 gn (duration = 11 ms) for half sine wave acceleration conforming to IEC 60068-2-27<br>25 gn (duration = 6 ms) for 1000 shocks on each axis conforming to IEC 60068-2-27 |
| Vibration Resistance               | 5 gn (f= 10...500 Hz) conforming to IEC 60068-2-6<br>2 mm peak to peak (f= 2...10 Hz) conforming to IEC 60068-2-6                                                                                                                                                   |

## Packing Units

|                              |        |
|------------------------------|--------|
| Unit Type Of Package 1       | PCE    |
| Number Of Units In Package 1 | 1      |
| Package 1 Height             | 5.5 cm |
| Package 1 Width              | 5.2 cm |
| Package 1 Length             | 4.3 cm |
| Package 1 Weight             | 24.0 g |

## Contractual warranty

|          |           |
|----------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|----------|-----------|

Bền vững



Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch    RoHS/REACH

## Hiệu suất sức khỏe

|                                                              |                |
|--------------------------------------------------------------|----------------|
| <div><div>✓</div><div>Reach Free Of Svhc</div></div>         |                |
| <div><div>✓</div><div>Mercury Free</div></div>               |                |
| <div><div>✓</div><div>Rohs Exemption Information</div></div> | <div>Yes</div> |

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

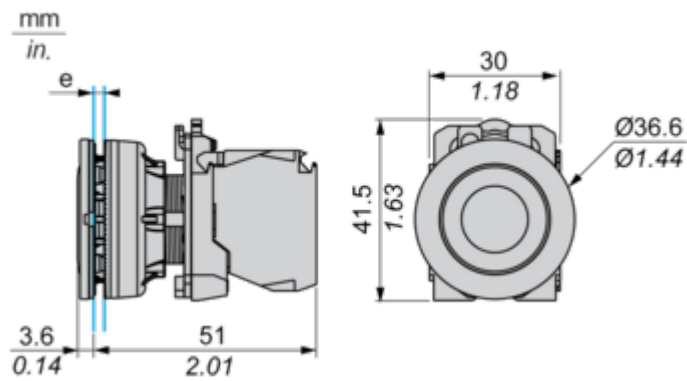
|                          |                                                            |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|
| Reach Regulation         | <a href="#">REACH Declaration</a>                          |
| Eu Rohs Directive        | Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope) |
| China Rohs Regulation    | <a href="#">China RoHS declaration</a>                     |
| Environmental Disclosure | <a href="#">Product Environmental Profile</a>              |
| Circularity Profile      | <a href="#">End of Life Information</a>                    |

Bảng thông số sản phẩm

ZB5FA344

Dimensions Drawings

Dimensions

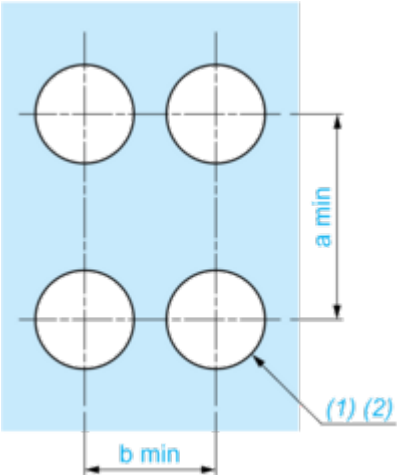


e: Clamping thickness: 1 to 6 mm / 0.04 to 0.24 in.

Mounting and Clearance

Panel Cut-out for Pushbuttons, Switches and Pilot Lights (Finished Holes, Ready for Installation)

Connection by Screw Clamp Terminals or Plug-in Connectors



- (1) Diameter on finished panel or support
- (2)  $\varnothing 30.75\text{ mm}$  recommended ( $\varnothing 30.5\text{ mm}^{+0.5}_0$ ) /  $\varnothing 1.21\text{ in.}$  recommended ( $\varnothing 1.20\text{ in.}^{+0.0196}_0$ )

| Connections                                   | a in mm | a in in. | b in mm | b in in. |
|-----------------------------------------------|---------|----------|---------|----------|
| By screw clamp terminals or plug-in connector | 40      | 1.57     | 40      | 1.57     |
| By Faston connectors                          | 45      | 1.77     | 40      | 1.57     |

Technical Description

Electrical Composition Corresponding to Code C1



Electrical Composition Corresponding to Code C2



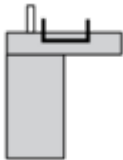
Electrical Composition Corresponding to Codes C9, C11, SF1 and SR1



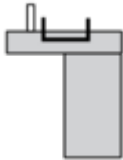


Electrical Composition Corresponding to Code C15

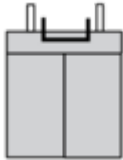
1 N/O



1 N/C



1 N/O + N/C or 1 N/O + N/O or 1 N/C + N/C



Legend

---

Single contact



Double contact



Light block



Possible location

